

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2020/DS-PT
Ngày 17 - 08 - 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán vật tư nông nghiệp.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Thẩm phán: 1/. Ông Nguyễn Văn Dũ.

2/. Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Trần Nhật Nguyên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 08 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: **66/2020/TLPT-DS**, ngày 09 tháng 7 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2020/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 90/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn A; Địa chỉ: Phan Đình P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

*** Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:** Ông Đoàn Tấn Q - Chức vụ: Tổng giám đốc.

*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:**

+ Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1982; Địa chỉ: Nguyễn Văn T, phường Đ, quận M, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

+ Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1992 - Công ty TNHH ADC, Chi nhánh Sóc Trăng; Địa chỉ: Quốc lộ 1, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

(Theo Giấy ủy quyền số 023/2019/GUQ-ADC ngày 06/3/2019)

2. *Bị đơn*: Ông Đào V, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 73, ấp K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Thạch H, sinh năm 1961 (vắng mặt);

3.2. Bà Đào Thị S, sinh năm 1970 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số 73, ấp K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

* *Người đại diện theo ủy quyền của ông Thạch H*: Bà Đào Thị S (theo Giấy ủy quyền ngày 15/7/2019).

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đào V và bà Đào Thị S*: Luật sư Triệu Du N - Văn phòng Luật sư Triệu Du L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Số 8/5 thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Luật sư do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử, theo Quyết định số 231/QĐ-TGPL ngày 22/7/2020).

3.3. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số 251, tổ 6, ấp Tân Hòa B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (có mặt)

4. *Người làm chứng*: Bà Đoàn Thị Đ; Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

5. *Người kháng cáo*: Ông Đào V là bị đơn và bà Đào Thị S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

6. *Người phiên dịch tiếng Khmer*: Bà Sơn Hồng Vân – Cán bộ Hưu trí.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn A trình bày: Theo chương trình đầu tư vật tư nông nghiệp cho nông dân, Công ty trách nhiệm hữu hạn A (sau đây viết Công ty A) đầu tư cho ông Đào V (ông V) một lượng vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, lúa giống) để ông V sản xuất nông sản. Quá trình thực hiện chương trình Công ty A đã giao cho ông Đào V đủ số lượng hàng theo đặt hàng, tuy nhiên đến cuối vụ thì ông Đào V không thanh toán lại số tiền công ty đã đầu tư cho ông Đào V. Tính đến ngày 28/10/2015 ông Đào V còn nợ Công ty A số tiền 70.136.000đồng (Bảy mươi triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng), ông V cam kết trả số tiền này chậm nhất là ngày 28/11/2015 theo Bản cam kết ngày 28/10/2015 (BL 47,50), nhưng ông V vẫn không hoàn trả lại số tiền còn nợ cho Công ty A.

Giữa Công ty A với vợ chồng ông H, bà S và ông V không có xác lập bất kỳ thỏa thuận nào chuyển giao nghĩa vụ trả nợ như vợ chồng ông H, bà S và ông V đã khai. Do đó, ông H bà S khai đã trả thay cho ông Đào V một phần nợ trong khoản tiền mà ông V còn thiếu công ty là không đúng. Về việc phía Công ty A có thu của ông H 40.600.000đồng đây là khoản tiền nợ mua bán vật tư nông nghiệp riêng của ông H đối với Công ty A theo theo Bản cam kết ngày 28/10/2015 (BL 53), nên không có liên quan gì đến khoản nợ của ông Đào V mà phía Công ty A đang yêu cầu ông Đào V thanh toán.

Nay Công ty trách nhiệm hữu hạn A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đào V phải thanh toán cho Công ty A số tiền gốc là 70.136.000đồng (Bảy mươi triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng) và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 28/11/2015 theo lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0% năm cho đến ngày Tòa án đưa ra xét xử vụ án.

2. Bị đơn ông Đào V trình bày: Ông thừa nhận giữa Công ty A với ông có quan hệ mua bán vật tư nông nghiệp. Trong năm 2015 Công ty A có đầu tư cho ông một lượng vật tư nông nghiệp để sản xuất nông sản. Tuy nhiên, sau khi nhận vật tư thì ông đã chuyển giao lại cho chị là bà Đào Thị S và anh rể Thạch H (người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án). Đến cuối năm 2015, người đại diện của Công ty A đã đến gặp ông V và ông H, bà S thỏa thuận đi đến thống nhất ông V không còn nợ Công ty A nữa, mà ông H bà S sẽ là người nợ vật tư Công ty A với số tiền là 70.136.000 đồng. Việc thỏa thuận này có lập biên bản do Công ty A đang giữ và từ đó đến nay phía Công ty A cũng không yêu cầu ông thanh toán bất kỳ khoản nào. Do đó đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông V không đồng ý.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị S trình bày:

Năm 2015, vợ chồng bà Đào Thị S và ông Thạch H có mua vật tư nông nghiệp của ông Đào V, nguồn gốc của số vật tư này là do ông V mua từ Công ty A. Sau đó khoảng cuối năm 2015 thì Công ty A có cho người đại diện công ty đến gặp ông V, bà S và ông H đi đến thỏa thuận: ông H và bà S sẽ là người chịu trách nhiệm trả số tiền vật tư nông nghiệp mà ông V còn nợ là 70.136.000đồng. Việc thỏa thuận có làm giấy tờ nhưng do phía Công ty A nắm giữ. Kể từ thời điểm thỏa thuận đó đến nay thì bà S và ông H đã trả được 23.200.000đồng. Số tiền này bà S và ông H thanh toán cho nhân viên Công ty A là bà Đoàn Thị Đ (người làm chứng trong vụ án) và ông Nguyễn Thanh Sơn (người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án).

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì phía bà S và ông H yêu cầu Công ty A khấu trừ đi khoản tiền mà ông H và bà S đã trả thay cho ông V là 23.200.000đồng. Hiện xác định phía ông H và bà S chỉ còn thiếu khoản nợ của ông V đối với Công ty A là 46.936.000đồng. Đối với khoản nợ này bà S và ông H sẽ đứng ra trả nợ thay cho ông V.

4. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh Sơn trình bày: Ông hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn. Ông chưa bao giờ đại diện cho Công ty A thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ như ông V và vợ chồng ông H bà S đã khai.

5. Người làm chứng bà Đoàn Thị Đ trình bày: Bà Đ xác định bà có nhận tiền của bà Đào Thị S và ông Thạch H nhiều lần với số tiền 40.600.000 đồng, số tiền này do ông H nợ Công ty A về vật tư nông nghiệp. Vào khoảng năm 2013 bà là cộng tác viên của Công ty ADC để hưởng hoa hồng, bà có giới thiệu cho ông Thạch H và bà Đào Thị Thu Hương, ông Đào V mua vật tư nông nghiệp của Công ty A. Khoản tiền bà nhận 40.600.000 đồng là tiền của ông H nợ công ty và khi trả tiền thì ông H cũng không nói việc trả thay cho ông V hay bà Hương mà bà thu là

nợ của ông H với công ty. Các lần thu tiền bà đều giao lại cho ông Nguyễn Thanh Sơn, bà không biết việc thỏa thuận trả nợ giữa Công ty A, ông V, bà Hương.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2020, đã quyết định:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 290, 305 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 12, Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH ADC.

Buộc ông Đào V có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty A số tiền 70.136.000 (bảy mươi triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn) đồng tiền vốn và 28.334.944 (Hai mươi tám triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn chín trăm bốn mươi bốn đồng tiền lãi), tổng cộng là 98.470.944 đồng (Chín mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn, chín trăm bốn mươi bốn) đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày Công ty TNHH ADC có đơn yêu cầu thi hành án, ông Đào V còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thanh toán.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

* Ngày 09/6/2020, bị đơn Đào V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét, giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Cùng ngày 09/6/2020, người có quyền, nghĩa vụ liên quan Đào Thị S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét, giải quyết xác định ông Thạch H và bà Đào Thị S là người chịu trách nhiệm trả số tiền vật tư nông nghiệp còn nợ của Công ty A với số tiền là 70.136.000 đồng, yêu cầu được khấu trừ lại số tiền 23.200.000 đồng mà bà S đã trả cho Công ty A trước đó.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện cho nguyên đơn Công ty A không rút đơn khởi kiện; Bị đơn Đào V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đào Thị S giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người kháng cáo là ông Đào V và bà Đào Thị S cho rằng giữa Công ty A với ông V, ông H và bà S có việc thỏa thuận chuyển nghĩa vụ trả nợ cho ông H, bà S trả nợ Công ty ADC thay cho ông V, trên thực tế ông H và bà S đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty A thay cho ông H, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn Đào V, chuyển giao nghĩa vụ trả nợ của ông V cho ông H và bà S.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Luật sư, Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của Đào V và Đào Thị S là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người làm chứng Đoàn Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, vắng mặt cũng không gây trở ngại cho việc xét xử, người khác vắng mặt có người đại diện. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[II] Về nội dung:

[1] Các đương sự trình bày thống nhất và thừa nhận, thực hiện chương trình đầu tư vật tư nông nghiệp cho nông dân sản xuất nông sản, nên vào năm 2015 Công ty A đã đầu tư cho ông V một lượng vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, lúa giống...) để ông V sản xuất nông sản, Công ty A đã giao cho ông V đủ số lượng vật tư nông nghiệp theo đặt hàng, tính đến ngày 28/10/2015 ông V còn nợ Công ty A số tiền 70.136.000đồng và ông V cam kết trả số tiền này chậm nhất là đến ngày 28/11/2015 (theo Bản cam kết ngày 28/10/2015 - BL 50). Ngoài ra, Công ty A cũng đã đầu tư vật tư nông nghiệp cho ông Thạch H và bà Đào Thị S, tính đến ngày 28/10/2015 ông H còn nợ Công ty A số tiền 55.460.000đồng và ông H cũng cam kết trả số tiền này chậm nhất là đến ngày 28/11/2015 (theo Bản cam kết ngày 28/10/2015 - BL 53).

[2] Tuy nhiên, theo ông Đào V, ông Thạch H và bà Đào Thị S thì cho rằng vào cuối năm 2015 giữa người đại diện của Công ty A (là ông Sơn và bà Đ) với ông Đào V, ông Thạch H và bà Đào Thị S có thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ số tiền 70.136.000đồng của ông V sang cho ông H và bà S thực hiện nghĩa vụ trả cho Công ty A thay cho ông V, trong việc thỏa thuận có lập văn bản do Công ty A giữ. Sau thỏa thuận, từ năm 2016 ông H và bà S đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty A nhiều lần với số tiền 46.400.000đồng, trong đó trả nợ thay cho ông V 23.200.000đồng, nên số nợ ông V thiếu còn lại 46.936.000đồng (70.136.000đ - 23.200.000đ) là nghĩa vụ trả nợ của ông H và bà S chứ không phải của ông V.

[3] Ngược lại, người đại diện cho Công ty A, ông Nguyễn Thanh Sơn và bà Đoàn Thị Đ đều cho rằng không có việc thỏa thuận chuyển nghĩa vụ trả nợ số tiền 70.136.000đồng của ông V sang cho ông H và bà S thực hiện nghĩa vụ trả cho Công ty A thay cho ông V như trình bày trên và Công ty A cũng không có giữ văn bản thỏa thuận có nội dung này. Đồng thời, Công ty A thừa nhận bà Đ và ông Sơn có nhận của ông H nhiều lần với số tiền 46.600.000đồng, nhưng cho rằng số tiền này thu là thu tiền trả nợ của ông H nợ Công ty A, không phải thu tiền ông H trả nợ thay cho ông V.

[4] Theo nội dung đơn kháng cáo, ông Đào V cũng thừa nhận như đã nêu trên, nhưng ông V cho rằng sau khi nhận vật tư thì ông V đã chuyển giao lại cho bà Đào Thị S và ông Thạch H, nên cuối năm 2015 người đại diện của Công ty A đã đến gặp ông V và bà S, ông H để cùng nhau thỏa thuận và thống nhất bà S và ông H sẽ là người nợ tiền vật tư và có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty A với số tiền 70.136.000đồng, ông V không còn nợ Công ty A, các bên có lập giấy tờ thỏa thuận do Công ty A giữ, nên từ đó đến nay Công ty A cũng không yêu cầu ông thanh toán bất kỳ khoản tiền nào, mà Công ty đã yêu cầu bà S và ông H thanh toán và thực tế là bà S và ông H đã thay ông V trả nợ cho Công ty A từ đầu năm 2016 trở về sau. Do đó, hiện tại ông V không còn nợ Công ty A theo khởi kiện.

[5] Xét thấy, như đã nhân định nêu trên theo ông V, ông H và bà S trình bày có việc thỏa thuận chuyển nghĩa vụ trả nợ số tiền 70.136.000đồng của ông V sang cho ông H và bà S thực hiện nghĩa vụ trả cho Công ty A thay cho ông V, nhưng không được Công ty A, người liên quan ông Nguyễn Thanh Sơn và người làm chứng bà Đoàn Thị Đ thừa nhận, ngoài lời trình bày của mình thì ông V, ông H và bà S cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh. Công ty A, người liên quan ông Nguyễn Thanh Sơn và người làm chứng bà Đoàn Thị Đ đều khẳng định không có việc thỏa thuận chuyển nghĩa vụ trả nợ của ông V sang cho ông H và bà S và trên thực tế tại Bản cam kết ngày 28/10/2015 (BL 50) ông Đào V xác nhận có nợ Công ty A số tiền 70.136.000đồng và ông V cam kết trả chậm nhất là ngày 28/11/2015. Do đó, cấp sơ thẩm xác định ông Đào V có nợ Công ty A số tiền 70.136.000đồng và thuộc trách nhiệm trả nợ của ông Đào V, nên buộc ông V có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty A theo yêu cầu khởi kiện là có căn cứ.

[6] Đối với số tiền ông H trả nợ cho Công ty A, theo ông H giao nhiều lần cho bà Đ được số tiền 46.400.000đồng, trong đó trả vào số tiền nợ của ông V nợ Công ty A nêu trên là 23.200.000đồng nên yêu cầu khấu trừ vào số tiền nợ của

ông V, nhưng không được Công ty A thừa nhận và đồng ý. Xét thấy, trên thực tế ông H có nợ Công ty A theo Bản cam kết ngày 28/10/2015 (BL 53) và bà Đ, ông Sơn xác nhận có nhận của ông H nhiều lần với số tiền 46.600.000 đồng và số tiền này bà Đ, ông Sơn thu là thu tiền trả nợ của ông H nợ Công ty A, không phải thu tiền ông H trả nợ thay cho ông V. Cấp sơ thẩm không chấp nhận số tiền 23.200.000 đồng trả và trừ vào số nợ ông V nợ Công ty A là có cơ sở, nếu có phát sinh tranh chấp giữa ông H với Công ty A số tiền này thì sẽ giải quyết ở vụ án khác theo thủ tục chung.

[7] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, toàn bộ nội dung kháng cáo của người kháng cáo là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo đề nghị chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa bản án sơ thẩm là không có cơ sở, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên những người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định. Tuy nhiên, ông Đào V, bà Đào Thị S là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị, nên được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của người kháng cáo ông Đào V và bà Đào Thị S.

2/ Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng, được tuyên như sau:

“Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 290, 305 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 12, Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH ADC.

Buộc ông Đào V có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty A số tiền 70.136.000 (bảy mươi triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn) đồng tiền vốn và 28.334.944 (Hai mươi tám triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn chín trăm bốn mươi bốn đồng tiền lãi), tổng cộng là 98.470.944 đồng (Chín mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn, chín trăm bốn mươi bốn) đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày Công ty TNHH ADC có đơn yêu cầu thi hành án, ông Đào V còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thanh toán.

3. Về án phí sơ thẩm: 4.923.547đồng, ông Đào V không phải chịu.

Công ty TNHH ADC không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH ADC số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 2.315.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007008 ngày 28/2/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.”

3/ Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo ông Đào V và bà Đào Thị S được miễn nộp.

4/ Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- VKSND huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hùng Nuôi

